

những trường hợp người phải thi hành án có địa chỉ, để xử lý tài sản trả lại theo khoản 2 Điều 126 Luật THADS.

4. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách:

Dự thảo báo cáo đánh giá tương đối đầy đủ, toàn diện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện chính sách pháp luật về công tác tư pháp, trong đó có công tác thi hành án dân sự; Tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thi hành Luật thi hành án dân sự; Xác định rõ mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể trong quá trình triển khai xây dựng Luật thi hành án dân sự (sửa đổi).

5. Dự kiến đề cương:

Dự kiến đề cương đã xác định rõ những điều luật cần sửa đổi, đồng thời bổ sung những điều luật mới nhằm điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong thực tiễn tổ chức thi hành án.

Trên đây là góp ý của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- Lưu: VT, HS.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

(Đã ký)

Vũ Ngọc Phương

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 15 07/CTHADS-NV

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị xây
dựng Luật Thi hành án dân sự

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự

Thực hiện Văn bản số 6349/UBND-NC₃ ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Văn bản số 4227/TCTHADS-NV1 ngày 09/11/2023 của Tổng Cục Thi hành án dân sự (THADS) về việc góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự. Sau khi triển khai, tổng hợp ý kiến, Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh thống nhất với nội dung các Dự thảo Tờ trình; Báo cáo tổng kết; Phụ lục vương mắc các điều luật; Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Riêng đối với Dự thảo đề cương, Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh có ý kiến như sau:

- Tại Chương V Phần thứ hai Dự thảo đề nghị bổ sung: “Mục 1” vì tại các phần thể hiện có “Mục 2” nhưng tại Chương V Phần thứ hai dự thảo chưa có Mục 1.

- Tại Chương V đề nghị xem xét chuyển Điều 75 về Tổng đạt quyết định thi hành án xuống Mục 2 (Cấp, tổng đạt, thông báo, gửi văn bản về thi hành án) đảm bảo tính thống nhất.

- Tại Điều 83 đề nghị không viết tắt cụm “THADS” vì trong Dự thảo chưa quy định về việc viết tắt tên tiêu đề.


- Tại tên Chương VI dự thảo đề nghị sửa “CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN, THỎA THUẬN THI HÀNH ÁN” thành “CUNG CẤP THÔNG TIN, TÀI LIỆU VỀ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN, THỎA THUẬN THI HÀNH ÁN” đảm bảo thống nhất với tên Mục 1 và đảm bảo đầy đủ với các nội dung quy định tại Mục 1 thuộc chương này.

- Tại dự thảo quy định thời gian thông qua là tháng 11 năm 2025. Tuy nhiên, quy định tên, ký hiệu là “Luật số: /2023/QH” và thời gian ban hành đề năm 2023. Do đó, đề nghị thống nhất thời gian trên trong dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh về dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự, báo cáo Bộ Tư pháp, Tổng Cục THADS và Ủy ban nhân dân tỉnh được biết. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Hà Tĩnh (để b/c);
- Lưu VT, NV


CỤC TRƯỞNG
Vân Đình Minh

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2623/CTHADS-NV

Hải Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý hoàn thiện nội dung đề nghị xây
dựng Luật THADS (sửa đổi)

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
ĐỀ N S: 2191
Ngày: 5/22
Chuyên: MM
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự (Vụ Nghiệp vụ 1)

Thực hiện Công văn số 4228/TCTHADS-NV1 ngày 09/11/2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc góp ý hoàn thiện nội dung hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi).

Cục THADS tỉnh Hải Dương đã tập trung nghiên cứu đối với nội dung được giao theo Đề cương chi tiết Luật THADS (sửa đổi), gồm: (1) Thanh toán tiền thi hành án, phí, chi phí thi hành án; kết thúc việc thi hành án; (2) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong THADS. Cục THADS tỉnh Hải Dương tham gia góp ý như sau:

1. Thanh toán tiền thi hành án, phí, chi phí thi hành án; kết thúc việc thi hành án.

1. 1. Quy định về thanh toán tiền thi hành án, phí thi hành án:

Điều 207. Thứ tự thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án (Điều 47): Về cơ bản giữ nguyên không thay đổi, vì những lí do sau:

- Quy định hiện tại đã đảm bảo được nguyên tắc người được ưu tiên thanh toán là những người được thi hành án đã có yêu cầu thi hành án do cơ quan đó đang tổ chức thi hành.

- Thực tiễn tổ chức thi hành không phát sinh khó khăn, vướng mắc cũng như bất cập về thể chế.

Tuy nhiên, Cục THADS tỉnh Hải Dương xin đưa ra một quan điểm liên quan đến điểm b, khoản 2 Điều 47 “ b) Số tiền thi hành án thu theo quyết định cưỡng chế thi hành án được thanh toán cho những người được thi hành án tính đến thời điểm có quyết định cưỡng chế đó; số tiền còn lại được thanh toán cho những người được thi hành án theo các quyết định thi hành án khác tính đến thời điểm thanh toán”.

Đề nghị nghiên cứu sửa thành: “ b) Số tiền thi hành án thu theo quyết định cưỡng chế thi hành án được thanh toán cho những người được thi hành án tính theo các quyết định thi hành án tính đến thời điểm thanh toán”.



UCC-KV
MM
5/22
23

Quy định này nhằm đảm bảo công bằng cho những người được thi hành án khi họ có đơn yêu cầu thi hành án, vì khi bản án, quyết định của Tòa án đã xác định quyền của họ thì không có gì mà quyền đòi nợ đó lại bị phân biệt trong quá trình tổ chức thi hành án. Việc cơ quan THADS tiến hành cưỡng chế thi hành án là trình tự, thủ tục và là biện pháp để đảm bảo thi hành cho quyền của những người được thi hành án...

Vì vậy, Cục THADS tỉnh Hải Dương báo cáo đề Tổng cục nghiên cứu đối với quy định này.

Điều 208. Thủ tục thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án (điều mới).

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thu tiền, tài sản thi hành án, giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án dân sự phải tiến hành thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án theo thứ tự quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự và thu phí thi hành án theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên thông báo cho đương sự đến nhận tiền, tài sản. Thông báo đến nhận tiền, tài sản cần ghi rõ: yêu cầu đương sự khi đến nhận tiền, tài sản phải xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc mang theo một trong các giấy tờ sau đây: Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (các giấy tờ trên phải là bản chính).

Điều luật nêu trên chưa quy định đối với việc thông báo cho pháp nhân đến nhận tiền, tài sản. Vì vậy, cần sửa đổi như sau: *“1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thu tiền, tài sản thi hành án, giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án dân sự phải tiến hành thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án theo thứ tự quy định tại Điều Luật Thi hành án dân sự và thu phí thi hành án theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên thông báo cho đương sự đến nhận tiền, tài sản. Thông báo đến nhận tiền, tài sản cần ghi rõ: yêu cầu đương sự khi đến nhận tiền, tài sản phải xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc mang theo một trong các giấy tờ sau đây: Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (các giấy tờ trên phải là bản chính); đối với pháp nhân yêu cầu phải cung cấp số tài khoản để cơ quan thi hành án chuyển tiền trừ trường hợp nhận tiền trực tiếp tại cơ quan thi hành án”*

Mục tiêu của việc xây dựng điều luật để hạn chế chi trả bằng tiền mặt, việc chi trả thông qua hình thức trực tuyến, trong đó có hình thức chuyển khoản. Vì vậy sửa đổi theo hướng đó là: đối với đương sự có tài khoản thì thực hiện như nào và đối với đương sự không có tài khoản thì thực hiện như nào. Trên tinh thần đó cần sửa khoản 2 như sau:

2. *Việc thanh toán tiền, trả tài sản được thực hiện như sau:*

a) Đối với đương sự có đơn yêu cầu chuyển khoản thì Chấp hành viên đề nghị kế toán làm thủ tục chi trả tiền theo số tài khoản mà đương sự cung cấp; Đơn đề nghị ghi rõ họ tên, địa chỉ của người nhận tiền, thông tin số tài khoản nhận tiền; Đơn đề nghị được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện; Cước phí chuyển khoản do người nhận tiền chịu và được trừ vào số tiền họ được nhận.

b) Đối với đương sự không có tài khoản, Chấp hành viên thực hiện như sau:

Đương sự trực tiếp đến nhận tiền tại trụ sở cơ quan thi hành án. Trường hợp này, Chấp hành viên đề nghị kế toán làm thủ tục chi trả tiền;

Đương sự đề nghị chuyển tiền qua bưu điện. Trường hợp này, đương sự phải có đơn đề nghị chuyển tiền qua bưu điện. Đơn đề nghị được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện. Trên cơ sở đơn đề nghị của đương sự, Chấp hành viên đề nghị kế toán lập phiếu chi và thực hiện gửi tiền cho đương sự qua bưu điện. Cước phí chuyển tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản do người nhận tiền chịu và được trừ vào số tiền họ được nhận. Giấy chuyển tiền qua bưu điện và phiếu báo nhận tiền (bản chụp) lưu trong hồ sơ thi hành án cùng với phiếu chi, bản chính lưu tại bộ phận kế toán.

Đương sự ủy quyền cho người khác nhận thay. Trường hợp này, người được ủy quyền nhận thay phải có giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử hoặc một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Chấp hành viên đề nghị kế toán làm thủ tục chi trả tiền. Hồ sơ thi hành án lưu bản chụp giấy ủy quyền và bản chụp một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này; chứng từ kế toán lưu bản chính giấy ủy quyền và bản chụp một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp người được thi hành án là doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế cử người đại diện hợp pháp đến nhận tiền thi hành án người nhận tiền phải xuất trình văn bản chứng minh cho việc đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền và tài khoản định danh điện tử hoặc một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Việc lưu tài liệu, chứng từ thanh toán tiền trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo mà người được nhận tiền không đến nhận tiền, cơ quan thi hành án dân sự xử lý vụ việc theo quy định tạiĐối với khoản tiền không đủ điều kiện gửi ngân hàng theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự thì cơ quan thi hành án dân sự lập bảng kê chi tiết các khoản tiền và gửi vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm theo dõi việc gửi tiền vào ngân hàng hoặc tài khoản tạm gửi tại Kho bạc theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 209. Phí thi hành án dân sự (Điều 60)

Hiện nay, các trường hợp được miễn, giảm hoặc không phải nộp phí thi hành án dân sự được quy định tại Thông tư 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ

Tài chính. Thực tiễn cho thấy việc thu phí hay không thu phí ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích vật chất của các đối tượng phải nộp phí hoặc các trường hợp được miễn, giảm hoặc không phải nộp phí thi hành án dân sự. Có những trường hợp số tiền phải thu hoặc được miễn, giảm hoặc không phải nộp phí là rất lớn. Vì vậy, Luật THADS sửa đổi cần quy định cụ thể các trường hợp được miễn, giảm hoặc không phải nộp phí thi hành án dân sự như sau:

Điều 209. Phí thi hành án dân sự (Điều 60)

1. Người được thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự

2. Người được thi hành án không phải chịu phí thi hành án dân sự khi được nhận các khoản tiền, tài sản thuộc các trường hợp sau đây:

a. Tiền cấp dưỡng; tiền bồi thường thiệt hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; tiền lương, tiền công lao động; tiền trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc; tiền bảo hiểm xã hội; tiền bồi thường thiệt hại vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động.

b. Khoản kinh phí thực hiện chương trình chính sách xã hội của Nhà nước xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, các khoản kinh phí trực tiếp phục vụ việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục của nhân dân không vì mục đích kinh doanh mà người được thi hành án được nhận.

c. Hiện vật được nhận chỉ có ý nghĩa tinh thần, gắn với nhân thân người nhận, không có khả năng trao đổi.

d. Tiền hoặc giá trị tài sản theo yêu cầu thi hành án không vượt quá hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định.

đ. Khoản thu hồi nợ vay cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong trường hợp Ngân hàng cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

e. Bản án, quyết định của Tòa án xác định không có giá ngạch và không thu án phí có giá ngạch khi xét xử.

g. Tiền, tài sản được trả lại cho đương sự trong trường hợp chủ động thi hành án quy định tại điểm b khoản 2 Điều Luật thi hành án dân sự.

h. Tiền, tài sản mà đương sự tự nguyện thi hành trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều Luật thi hành án dân sự.

3. Người được thi hành án được miễn phí thi hành án dân sự trong trường hợp sau đây:

a) Được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Thuộc diện neo đơn được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận; thuộc diện tàn tật hoặc ốm đau kéo dài có tóm tắt hồ sơ bệnh án được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận;

c) Người được thi hành án xác minh chính xác sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại khoản... Điều ... Luật thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự xử lý được tài sản để thi hành án.

1.2. Chi phí thi hành án: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương nhận thấy, đây là các quy định cần có thời gian để nghiên cứu cho ý kiến tham gia sau.

1.3. Kết thúc thi hành án:

Điều 218. Kết thúc thi hành án (Điều 52)

Vì hiện nay Luật THADS quy định cơ quan THADS chỉ xác nhận kết quả thi hành án khi có yêu cầu của đương sự. Vì vậy quy định đương nhiên kết thúc là không phù hợp. Về bản chất, khi đương sự thực hiện xong quyền và nghĩa vụ theo quyết định thi hành án là đã kết thúc việc thi hành án. Vì vậy, Điều luật cần sửa đổi như sau:

Điều 218. Kết thúc thi hành án

Việc thi hành án kết thúc trong các trường hợp sau:

1. Đương sự đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của mình;
2. Có quyết định đình chỉ thi hành án;
3. Có quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án.

Điều 219. Xác nhận kết quả thi hành án (Điều 53)

1. Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xác nhận kết quả thi hành án.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án.

2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án đối với phạm nhân đang chấp hành án phạt tù trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người phải thi hành án là phạm nhân thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án.

Nếu quy định tại khoản 2 của Điều luật này, thì công việc của Cơ quan THADS sẽ nhiều hơn, trách nhiệm phải cấp giấy như vậy, không hợp lý trên thực tế. Đối với đơn vị nhiều án thì công việc này đòi hỏi mất nhiều thời gian, nếu không thực hiện thì bị vi phạm. Vì vậy, đối với quy định tại khoản 2 của Điều luật này nên sửa theo hướng Cơ quan THADS sẽ cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án theo yêu cầu của Trại giam để phối hợp trong công tác xét miễn, giảm án như sau:



“Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án đối với phạm nhân đang chấp hành án phạt tù trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Trại giam nơi người phải thi hành án là phạm nhân đã thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ thi hành án theo bản án, quyết định của Tòa án”.

2. Giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự

Điều 273. Quyền khiếu nại, ủy quyền khiếu nại về thi hành án (Điều 140 – Sửa đổi, bổ sung):

Bổ sung thêm 1 khoản vào Điều 140 như sau:

“Người khiếu nại có thể tự mình khiếu nại hoặc ủy quyền cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý hoặc ủy quyền cho người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thực hiện việc khiếu nại. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và được chứng thực hoặc công chứng. Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại. Người ủy quyền được ủy quyền khiếu nại cho một người hoặc nhiều người về các nội dung ủy quyền khác nhau nhưng không được ủy quyền một nội dung cho nhiều người thực hiện”.

- Lý do đề xuất thay đổi: Bổ sung quy định mới về ủy quyền để đảm bảo việc ủy quyền phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Khiếu nại 2011 và khoản 5 Nghị định số: 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

Điều 274. Phạm vi khiếu nại về thi hành án (Điều mới)

Bổ sung các hành vi của kiểm sát viên, viện trưởng VKSND liên quan đến công tác thi hành án dân sự: không tham gia họp cưỡng chế; không tham gia buổi cưỡng chế; ban hành các văn bản yêu cầu cơ quan THADS phải thực hiện; kiến nghị, kháng nghị về thi hành án không đúng, làm ảnh hưởng đến quá trình tổ chức thi hành án; không phối hợp, không nhất trí với việc với cơ quan THADS đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án...

Điều 275. Những trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết (Điều 141- Sửa đổi, bổ sung):

Dự kiến nội dung của điều luật mới:

1. *Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới;*

2. *Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;*

3. Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

4. Người đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại;

5. Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại;

6. Thời hiệu khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;

7. Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại điểm... khoản ... Điều(quy định về việc xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành) ;

8. Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại;

Lý do: quy định như trên phù hợp với Điều 11 Luật Khiếu nại và phù hợp với thực tế trong quá trình thi hành án.

Điều 305. Xử lý vi phạm (Điều 165)

- Dự kiến nội dung khoản 3 của điều luật mới:

3. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý cản trở việc thi hành án hoặc ép buộc Chấp hành viên thi hành án trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự

Người nào phá hủy niêm phong, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng, tài sản tạm giữ, tài sản bị kê biên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Lý do: Nếu quy định như cũ sẽ gây khó hiểu vì đối tượng trong quy định này là đang có chức vụ, quyền hạn, nhưng hành vi: phá hủy niêm phong, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng, tài sản tạm giữ, tài sản kê biên... thì rất nhiều đối tượng có thể thực hiện (cá nhân). Do đó việc quy định như trên sẽ hạn chế đối tượng bị áp dụng chế tài nếu có vi phạm.

Trên đây là báo cáo về việc góp ý hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi) cụ thể các nội dung theo Đề cương chi tiết, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương báo cáo đề Tổng cục tổng hợp. /.

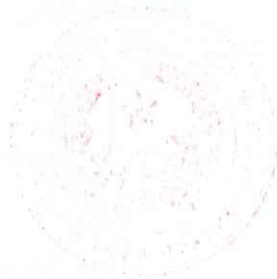
Nơi nhận:

- Như trên (đề b/c);
- Cục trưởng (đề b/c);
- Lưu: phòng NV, VT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lại Hữu Đồng



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 645 /CTHADS-NV
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi
hành án dân sự (sửa đổi)

Hậu Giang, ngày 24 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự.

Thực hiện Công văn số 5380/BTP-TCTHADS ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) và Công văn số 6104/VP.UBND-NCTH ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi), Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang đã phối hợp với các đơn vị liên quan đồng thời đã triển khai đến các phòng chuyên môn thuộc Cục, Chi cục Thi hành án dân sự huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh để lấy ý kiến góp ý.

Qua nghiên cứu nội dung của hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) và tổng hợp các ý kiến góp ý, Tỉnh Hậu Giang thống nhất với các nội dung của hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi) và không có ý kiến bổ sung.

Trên đây là ý kiến của Tỉnh Hậu Giang kính báo cáo đến Tổng cục Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, NV.

CỤC TRƯỞNG



Lê Phước Toàn

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH HOÀ BÌNH

Số: 749/CTHADS - NV

Hoà Bình, ngày 22 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự

Thực hiện chỉ đạo của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tại Công văn số 4230/TCTHADS -NV1 ngày 09/11/2023 về góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật THADS (sửa đổi), sau khi nghiên cứu, Cục THADS có một số ý kiến sau đây:

1. Về dự thảo Tờ trình: về cơ bản, dự thảo Tờ trình đã thể hiện những nội dung cần trình bày. Để góp ý hoàn thiện thêm, đề nghị cân nhắc thêm:

- Về sự cần thiết xây dựng dự án Luật THADS (sửa đổi): đề nghị thể hiện sự cần thiết thành các mục: (i) Chủ trương, đường lối của đảng đặt ra nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự (trong đó nên phân tích trực tiếp các yêu cầu của Nghị quyết 27-NQ/TW về công tác thi hành án; (ii) Những thay đổi của hệ thống pháp luật liên quan đặt ra yêu cầu sửa đổi luật Thi hành án dân sự; (iii) Sửa đổi Luật THADS nhằm giải quyết những vướng mắc, bất cập trong công tác THADS; (iv) Sửa đổi Luật THADS nhằm đáp ứng yêu cầu phòng chống tham nhũng, kiểm soát quyền lực trong thi hành án dân sự và thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng; (v) Sửa đổi Luật THADS nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Ở mỗi mục, cần nêu trực tiếp nội dung và yêu cầu đặt ra cần phải sửa đổi Luật THADS như thế nào.

- Về nội dung các chính sách: đề nghị cân nhắc tên và nội hàm các chính sách cần gắn với các nội dung đã nêu tại mục I (sự cần thiết xây dựng dự án Luật THADS sửa đổi).

2. Về dự thảo Báo cáo tổng kết:

+ Đề nghị thể hiện lại nội dung tại mục “1. Công tác quán triệt, triển khai; tuyên truyền, phổ biến giáo dục và xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành” vì các

nội dung thể hiện tại các điểm 1.1, 1.2 và 1.3 còn chưa trọng tâm, có đoạn lại nêu khó khăn, vướng mắc.

+ Đề nghị gộp mục III vào mục 2 (trang 20), trong đó thể hiện: tồn tại hạn chế xuất phát từ....để đảm bảo logic và chặt chẽ hơn; nội dung các tồn tại hạn chế đều phải có dẫn chứng chứng minh; không thể hiện “*Khó khăn vướng mắc từ quy định của Luật THADS*” (Mục III) mà nên thể hiện những bất cập của pháp luật THADS từ yêu cầu của đảng, sự thay đổi của hệ thống pháp luật, yêu cầu PCTNTC và kiểm soát quyền lực trong các cơ quan tư pháp, do yêu cầu hội nhập quốc tế...(lưu ý: không phải vướng mắc do nội tại luật THADS mà do nguyên nhân khách quan mà luật không theo kịp).

3. Về góp ý, chỉnh lý Đề cương:

Về nguyên tắc, sửa thật ít nhất có thể nhưng lại tháo gỡ được nhiều nhất có thể. Do đó:

+ Đề nghị cân nhắc kỹ số lượng điều sửa đổi, bổ sung: (i) Bổ sung 161 điều (từ 183 điều lên 344 điều); (ii) sửa đổi khoảng 70 điều. Số lượng như vậy là quá lớn, trong khi nhiều điều khoản bổ sung không có ý nhiều trong việc tháo gỡ các khó khăn vướng mắc hiện nay. Ví dụ: một số điều trong mục II (nguyên tắc); các điều liên quan đến năng lực của đương sự...(điều 44, 45..) vì việc xác định năng lực của đương sự do Toà án xác định trong bản án. Trong giai đoạn THA, có chăng chỉ là sự uỷ quyền (nếu có).

+ Việc bổ sung Chương II là không thật sự cần thiết. Về cơ bản, nên giữ kết cấu như hiện nay; Luật hoá các điều thuộc về Quy trình thi hành án (đã thực hiện tốt, không bị vướng mắc); bổ sung một số quy định về trình tự thủ tục đặc biệt; lược bớt một số thủ tục...

+ Về đề xuất cụ thể: Cục THADS tỉnh Hoà bình có bảng so sánh, đề xuất cụ thể.

4. Về một số giải pháp khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính:

+ Rà soát, đánh giá đúng chức năng của Chấp hành viên là tổ chức thi hành bản án, quyết định; không thực hiện các chức năng khởi kiện; chỉ ghi nhận chứ không tổ chức thương thảo giữa các bên đương sự;

+ Cần có cơ chế kiểm soát quyền của Chấp hành viên, vì quy định như hiện nay, Chấp hành viên có tính độc lập tương đối cao như thẩm phán, trong

khi đó thẩm phán có cơ chế Hội đồng xét xử và cơ chế xem xét lại quyết định; trong khi Chấp hành viên không có 02 cơ chế này, nên luôn tiềm ẩn nguy cơ sai sót, bồi thường; gắn trách nhiệm kiểm soát việc tổ chức thi hành án của chấp hành viên bởi Thủ trưởng cơ quan thi hành án (trong phê chuẩn một số quyết định quan trọng, chỉ đạo nghiệp vụ...). Cần bổ sung chế định Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án.

+ Cần quy định rõ trách nhiệm phối hợp của cá nhân, tổ chức liên quan. Trong đó quy định cụ thể nguyên tắc: không thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên mà không có lý do mà dẫn đến phải bồi thường thì người không thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên phải chịu trách nhiệm.

+ Cần rà soát, luật hoá các điều thuộc về Quy trình thi hành án (đã thực hiện tốt, không bị vướng mắc). Đồng thời rà soát, sửa đổi các quy định hiện hành để vừa bảo đảm tốt nhất quyền của các bên đương sự nhưng đồng thời rút ngắn thời gian thi hành án theo tinh thần nghị quyết 27 của Trung ương, nhất là không để các bên đương sự lợi dụng, cản trở quá trình thi hành án.

Ví dụ: Khoản 3 Điều 74. Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án có quy định Chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung.

Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, Chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản; đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên mà chủ sở hữu chung không mua tài sản thì tài sản được bán theo quy định tại Điều 101 của Luật này. Quy định thời gian như vậy là tương đối dài, ảnh hưởng đến thời gian tổ chức thi hành án. Do đó, cần rút ngắn khoảng thời gian này. Theo đó:

“Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, Chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 30 ngày đối với bất động sản, 10 ngày đối với động sản; đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì chủ sở hữu chung không được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành.”

Ví dụ: 4. Tại Điều 98. Định giá tài sản kê biên.

Đề nghị bãi bỏ điểm a khoản 3 Điều 98 quy định về Chấp hành viên tự xác định giá vì như vậy làm khó cho Chấp hành viên, tiềm ẩn nguy cơ bị kiện; nên sửa khoản 3 theo hướng cho: “*Chấp hành viên có quyền ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản kê biên trong trường hợp đương sự không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này*”.

Ví dụ: 5. Tại khoản 1 Điều 99. Định giá lại tài sản kê biên

Đề nghị bổ sung thêm trường hợp định giá lại tài sản Kê biên khi khi kết quả thẩm định giá hết hạn theo quy định. Trường hợp này nên quy định Chủ thể yêu cầu là Chấp hành viên. Theo đó, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 99: “*Chấp hành viên tiến hành định giá lại tài sản kê biên khi kết quả thẩm định giá hết hạn theo quy định*”

+ Quy định cụ thể trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức không chấp hành bản án, quyết định hành xét xử các vụ án hành chính của Toà án.

5. Trình tự thủ tục đặc biệt (phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự)

- Về Điều 122. Chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ kèm theo bản án, quyết định

1. Vật chứng, tài sản tạm giữ trong bản án, quyết định hình sự do yêu cầu phục vụ việc xét xử mà chưa được chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn truy tố, xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì phải chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự tại thời điểm Tòa án chuyển giao bản án, quyết định.

2. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được tiến hành tại kho của cơ quan thi hành án dân sự. Bên giao có trách nhiệm vận chuyển vật chứng, tài sản tạm giữ đến kho của cơ quan thi hành án dân sự.

Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ không thể vận chuyển, di dời về bảo quản tại kho của cơ quan thi hành án dân sự thì địa điểm giao nhận vật chứng, tài sản tạm giữ là nơi đang gửi, giữ hoặc nơi đang có tài sản.

3. Việc tiếp nhận tài sản phải có sự tham gia đầy đủ của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, thủ kho, kế toán.

4. Việc tiếp nhận, bảo quản, chuyển giao, trả lại, xuất huỷ các vật chứng, tài sản tạm giữ không thể vận chuyển, di dời về bảo quản tại kho của cơ quan thi hành án dân sự phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, thủ kho, kế toán và đại diện cơ quan Viện kiểm sát và phải tính đến tỷ lệ hao hụt, hỏng hóc, bị ăn mòn do thời mưa gió, bão lũ.

- Về Điều 123. Thủ tục tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ

Việc tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được tiến hành theo thủ tục sau đây:

1. Thủ kho có trách nhiệm trực tiếp nhận, kiểm tra hiện trạng vật chứng, tài sản tạm giữ và nhập kho thi hành án. Việc giao nhận vật chứng, tài sản tạm giữ phải được lập biên bản ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm giao nhận; số lượng, chủng loại, hiện trạng của từng loại vật chứng, tài sản tạm giữ, có so sánh với biên bản thu giữ ban đầu của cơ quan Công an hoặc Tòa án. Cơ quan thi hành án dân sự chỉ tiếp nhận tài sản đủ và đúng với hiện trạng ghi trong biên bản thu giữ ban đầu. Trong trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ giao, nhận đã bị thay đổi so với biên bản thu giữ ban đầu thì Thủ trưởng cơ quan bên giao, bên nhận có trách nhiệm kiểm tra, kết luận và cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận khi đã được các cơ quan có thẩm quyền làm rõ về những thay đổi đó.

Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ phải có chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên nhận, chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên giao, nếu có.

2. Trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ được bàn giao dưới hình thức gói niêm phong, cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận khi có kết quả giám định rõ số lượng, chủng loại, chất lượng của từng loại vật chứng, tài sản tạm giữ trong gói niêm phong đó của cơ quan có thẩm quyền. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ là các chất ma túy, cơ quan thi hành án dân sự chỉ nhận dưới hình thức gói niêm phong kèm theo kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền.

Khi giao, nhận phải lập biên bản ghi rõ hiện trạng của vật chứng, tài sản được niêm phong, có chữ ký của bên giao, bên nhận. Trường hợp niêm phong bị rách hoặc có dấu hiệu khả nghi trên đó thì cơ quan thi hành án dân sự chỉ tiếp nhận khi có kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ không thể vận chuyển, di dời về bảo quản tại kho của cơ quan thi hành án dân sự

- Về Điều 124. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

1. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ mà bản án, quyết định tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước thì trong thời hạn **05** ngày, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản và tiến hành giao vật chứng, tài sản tạm giữ đó cho cơ quan tài chính cùng cấp. Đối với tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do cơ quan thi hành án cấp quân khu thi hành thì chuyển cho cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án cấp quân khu có trụ sở.

Đối với các tài sản gọn nhỏ, có giá trị thấp thì cơ quan Thi hành án thống nhất thời hạn với cơ quan tài chính cùng cấp về thời hạn, số lần chuyển giao nhưng không vượt quá 03 tháng một lần.

Chi phí xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước do cơ quan tài chính nơi nhận vật chứng, tài sản tạm giữ chi trả theo quy định của pháp luật.

2. Khi chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ phải kèm theo quyết định thi hành án, bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự sao y bản chính.

3. Việc chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, kế toán, thủ kho và đại diện cơ quan tài chính. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được lập biên bản, mô tả cụ thể thực trạng vật chứng, tài sản tạm giữ, có chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên giao, chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên nhận, nếu có.

4. Trường hợp quyết định tịch thu vật chứng, tài sản tạm giữ đã được thi hành nhưng sau đó phát hiện có sai lầm và đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định tịch thu thì cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án cấp quân khu có trụ sở để làm thủ tục hoàn trả lại số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Việc chuyển giao các vật chứng, tài sản tạm giữ tịch thu sung công thuộc loại không thể vận chuyển, di dời về bảo quản tại kho của cơ quan thi hành án dân sự phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, thủ

kho, kế toán và đại diện cơ quan Viện kiểm sát và phải tính đến tỷ lệ hao hụt, hỏng hóc, bị ăn mòn do thời mưa gió, bão lũ.

- Về Điều 125. Tiêu hủy vật chứng, tài sản

1. Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày ra quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu hủy theo bản án, quyết định, trừ trường hợp pháp luật quy định phải tiêu hủy ngay.

Trường hợp số lượng vật chứng tiêu hủy ít thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thống nhất với Viện kiểm sát cùng cấp thời hạn phải ra quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu hủy theo bản án, quyết định

2. Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản gồm Chấp hành viên là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp là thành viên, đại diện cơ quan chuyên môn tham gia Hội đồng khi cần thiết.

3. Viện kiểm sát cùng cấp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tiêu hủy vật chứng, tài sản.

- Về Điều 126. Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự

1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả lại tài sản cho đương sự.

Trường hợp người được trả lại tiền, tài sản tạm giữ đồng thời là người phải thi hành nghĩa vụ trả tiền không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án.

2. Sau khi có quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ, Chấp hành viên thông báo cho đương sự thời gian, địa điểm nhận lại tiền, tài sản.

Hết thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày được thông báo mà đương sự không đến nhận tiền thì Chấp hành viên gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn và thông báo cho đương sự.

Hết thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày được thông báo nhưng đương sự không đến nhận tài sản mà không có lý do chính đáng thì Chấp hành viên xử lý tài sản theo quy định tại các điều 98, 99 và 101 của Luật này và gửi số tiền thu được theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn, đồng thời thông báo cho đương sự.

Hết thời hạn **03 năm**, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà đương sự vẫn không đến nhận số tiền đã được gửi tiết kiệm mà không có lý do chính đáng thì cơ quan thi hành án dân sự làm thủ tục sung quỹ nhà nước.

3. Đối với tài sản không bán được hoặc bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định tiêu hủy và tổ chức tiêu hủy tài sản theo quy định tại Điều 125 của Luật này.

Đối với giấy tờ liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự thì hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo nếu đương sự không đến nhận, Chấp hành viên làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan đã ban hành giấy tờ đó xử lý theo quy định.

4. Trường hợp tài sản trả lại là tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình bảo quản và đương sự từ chối nhận thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Ngân hàng nhà nước đổi tiền mới có giá trị tương đương để trả cho đương sự.

Đối với tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được không do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự mà đương sự từ chối nhận thì cơ quan thi hành án dân sự giao cho Ngân hàng nhà nước xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Việc trả lại tiền tạm ứng án phí theo bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

- Về Điều 127. Xử lý tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án

1. Chấp hành viên xử lý theo quy định tại các điều 98, 99, 100 và 101 của Luật này đối với tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án trong trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án.

Chấp hành viên xử lý theo quy định tại các điều 98, 99, 100 và 101 của Luật này đối với tài sản mà Chấp hành viên xác minh hoặc do đương sự, người khác cung cấp để thi hành cho các nghĩa vụ được tuyên trong bản án, quyết định của Tòa án.

2. Trường hợp có căn cứ cho rằng tài sản bị tuyên kê biên hoặc tài sản có Chấp hành viên xác minh hoặc do người khác cung cấp là tài sản do phạm tội mà có hoặc do đổi chác những thứ ấy mà có thì Chấp hành viên báo cáo

Thủ trưởng cơ quan thi hành án trực tiếp để khởi kiện ra Tòa án nơi có tài sản để quyết định nguồn gốc hợp pháp của tài sản đó. Trường hợp đương sự hoặc người quản lý tài sản không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của tài sản đó thì Tòa tuyên tịch thu sung công.

3. Trường hợp tài sản kê biên hoặc tài sản có Chấp hành viên xác minh hoặc do người khác cung cấp là tài sản hình thành trong tương lai thì Chấp hành viên xác minh phần giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án để xử lý thu hồi theo quy định chung.

4. Trường hợp tài sản kê biên hoặc tài sản có Chấp hành viên xác minh hoặc do người khác cung cấp là chứng khoán, cổ phần, cổ phiếu hoặc các loại giấy tờ có giá khác thì Chấp hành viên xử lý theo quy định của pháp luật về chứng khoán, cổ phần, cổ phiếu.

- Về Điều 128. Thu án phí, tiền phạt và các khoản phải thu khác đối với người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù

1. Giám thị trại giam, trại tạm giam nơi người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù thu các khoản tiền, tài sản mà người phải thi hành án, thân nhân của người phải thi hành án nộp để thi hành án và chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp người phải thi hành án chuyển trại giam, trại tạm giam hoặc được đặc xá, được miễn chấp hành hình phạt tù hoặc chết thì Giám thị trại giam, trại tạm giam nơi người đó chấp hành hình phạt tù phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự.

- Về Điều 129. Thủ tục trả lại tiền, tài sản, giấy tờ liên quan cho người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù

1. Chấp hành viên gửi thông báo, quyết định về việc nhận lại tiền, tài sản và các loại *giấy tờ liên quan* cho người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù thông qua Giám thị trại giam, trại tạm giam.

Trường hợp người được thi hành án ủy quyền cho người khác nhận tiền, tài sản, *giấy tờ liên quan* thì văn bản ủy quyền phải có xác nhận của Giám thị trại giam, trại tạm giam. Chấp hành viên trả tiền, tài sản, *giấy tờ liên quan* cho người được ủy quyền.

2. Trường hợp người được thi hành án có yêu cầu và được nhận tiền, tài sản *giấy tờ liên quan* tại nơi đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của

pháp luật thì Chấp hành viên gửi tiền, tài sản, **giấy tờ liên quan** cho người đó thông qua Giám thị trại giam, trại tạm giam. Chi phí cho việc gửi tiền, tài sản và giấy tờ liên quan do người được thi hành án chịu. Khi giao tiền, tài sản và giấy tờ liên quan cho đương sự, Giám thị trại giam, trại tạm giam lập biên bản và gửi cho cơ quan thi hành án dân sự.

3. Trường hợp người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù từ chối nhận lại tiền, tài sản và **giấy tờ liên quan** bằng văn bản có xác nhận của Giám thị trại giam, trại tạm giam thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản và giấy tờ liên quan để sung quỹ nhà nước hoặc tiêu hủy theo quy định của Luật này.

Trên đây là góp ý của Cục THADS tỉnh Hoà Bình đối với Hồ sơ dự án Luật THADS sửa đổi, xin gửi để quý cơ quan nghiên cứu, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định././

Nơi nhận:

- Tổng cục trưởng (để b/c);
- PTCT Trần Thị Phương Hoa (để b/c);
- Vụ NV1 (để p/h);
- Lưu: VT.

CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Dũng

Trần Văn Dũng

Số: /CTHADS-NV

Hung Yên, ngày 20 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)

Kính gửi:

- Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Thi hành án dân sự.

Thực hiện Công văn số 5380/BTP-TCTHADS ngày 06/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là Luật THADS), Cục THADS tỉnh Hưng Yên đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu, thảo luận, thống nhất, Cục THADS tỉnh Hưng Yên nhất trí với nội dung dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi) gồm: (1) Tờ trình; (2) Báo cáo tổng kết; (3) Phụ lục vướng mắc của các điều luật; (4) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (5) Dự kiến đề cương của Bộ Tư pháp.

Vậy, Cục THADS tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PNV.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tuấn Khanh



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2808/CTHADS-NV
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 11 năm 2023

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	
Số: 2808	
ĐẾN: Ngày: 23/11	
Chuyên: NV	
Chỉ đạo hồ sơ số:	

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp

Thực hiện Văn bản số 5380/BTP-TCTHADS ngày 06/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) và Văn bản chỉ đạo số 11818/UBND-NC ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ báo cáo góp ý của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa tổng hợp và báo cáo như sau:

- Tờ trình;
- Báo cáo tổng kết;
- Phụ lục vướng mắc của các điều luật;
- Báo cáo đánh giá tác động chính sách;
- Dự kiến đề cương.

Thông nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo.

Trên đây là báo cáo góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi), Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo. /.

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS (để b/c);
- UBND tỉnh Khánh Hòa (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu VT.



Q. CỤC TRƯỞNG

Dương Diêu

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 978/CV-CTHADS

Kiên Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự

Thực hiện Công văn số 5380/BTP-TCTHADS ngày 06/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc đóng góp ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi).

Cục THADS tỉnh lấy ý kiến của Sở Tư Pháp và được Sở Tư Pháp góp ý thống nhất bằng văn bản (Công văn số 3239/STP-XD&KTrVB ngày 15/11/2023 của Sở Tư pháp), đồng thời Cục THADS cũng đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến, thành phần gồm: Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo các Phòng chuyên môn thuộc Cục và toàn thể Chấp hành viên thuộc Cục. Kết quả: Điều thống nhất với bộ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) của Bộ Tư Pháp trình Chính Phủ gồm: (1) Tờ trình; (2) Báo cáo tổng kết; (3) Phụ lục vướng mắc của các điều luật; (4) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (5) Dự kiến đề cương.

Trên đây là ý kiến đóng góp hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) của Cục THADS tỉnh Kiên Giang. /*huoc*

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



huoc
Trịnh Thanh Vũ

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 589/CTHA-NV
" về việc góp ý hồ sơ đề nghị
xây dựng Luật THADS (sửa đổi)"

Kon Tum, ngày 24 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự

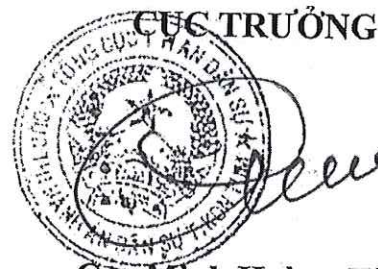
Thực hiện Công điện số 4430/CD-TCT ngày 22/11/2023 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thi hành án dân sự về việc góp ý hồ sơ xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi). Cục Thi hành án dân sự tỉnh đã thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Công điện và báo cáo kết quả như sau:

1. Cục THADS tỉnh KonTum đã liên hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh KonTum để có văn bản góp ý hồ sơ xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi). Theo đó, ngày 23/11/2023 UBND tỉnh Kon Tum đã có văn bản về việc góp ý hồ sơ xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) gửi Bộ Tư pháp.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum cũng đã chỉ đạo lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Cục; Chi cục trưởng Chi cục THADS các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo các công chức thuộc thẩm quyền quản lý truy cập Cổng thông tin điện tử Chính phủ hoặc Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp góp ý các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thi hành án dân sự (sửa đổi).

Vậy, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự biết, theo dõi và tổng hợp.

Nơi nhận:
- Tổng cục THADS;
- Lưu VT, NV.



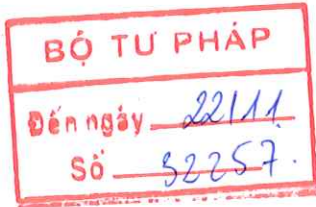
Cao Minh Hoàng Tùng



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LAI CHÂU

Số: ~~1026~~/CTHADS-NV
V/v tham gia góp ý dự thảo Luật THADS

Lai Châu, ngày 20 tháng 11 năm 2023



Kính gửi: Bộ Tư Pháp

Thực hiện Công văn Số: 5380 /BTP-TCTHADS ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi).

Qua nghiên cứu nội dung của hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THDS (sửa đổi) và triển khai lấy ý kiến tham gia đóng góp của các phòng chuyên môn thuộc Cục, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nhất trí với bố cục và các nội dung của hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THDS (sửa đổi).

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu trân trọng báo cáo Bộ Tư pháp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Lai Châu (để B/c);
- Tổng cục THADS - BTP;
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu: VT, NV.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Phạm Văn Hiến

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 11 năm 2023

Số: 1314/CTHADS-NV
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)

Kính gửi: Tổng cục Thi hành án dân sự.

Thực hiện Công văn số 5380/BTP-TCTHADS ngày 06/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi). Cục Thi hành án dân sự (THADS) tỉnh Lạng Sơn đã có văn bản chỉ đạo tới các phòng chuyên môn thuộc Cục và Chi cục trưởng Chi cục THADS các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, tham gia góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi). Sau khi triển khai thực hiện rà soát, tổng hợp ý kiến góp ý, Cục THADS tỉnh Lạng Sơn có ý kiến như sau:

Sau hơn 14 năm triển khai thực hiện Luật THADS và các văn bản hướng dẫn thi hành, hệ thống THADS đã đạt được nhiều kết quả tích cực, được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao, góp phần vào sự phát triển kinh tế và đảm bảo trật tự an ninh an toàn xã hội của đất nước. Đồng thời, tạo hành lang pháp lý cơ bản đảm bảo cho công tác THADS hiệu lực, hiệu quả; vị trí, vai trò của các cơ quan THADS đóng trên địa bàn tỉnh được khẳng định; thủ tục về THADS được quy định đầy đủ, thực hiện đúng quy trình, công tác phối hợp với các cơ quan liên quan có sự tạo điều kiện thuận lợi trong THADS, nhận thức và chấp hành pháp luật về THADS của các cá nhân, tổ chức được nâng lên. Bảo đảm các bản án, quyết định của Tòa án được thi hành trên thực tế, đồng thời đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân theo quy định pháp luật.

Nội dung góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi) về cơ bản nhất trí với các nội dung, bố cục, thể thức trình bày tại dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi) bao gồm: Tờ trình đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi); Báo cáo tổng kết 14 năm thi hành Luật THADS; phụ lục vướng mắc của các điều luật; báo cáo đánh giá tác động chính sách Luật THADS (sửa đổi) và dự kiến đề cương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật THADS vẫn còn một số bất cập cần được sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

Vướng mắc đối với các điều luật:

* Điều 7 Luật THADS. Quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án

Tại điểm đ, khoản 1 Quy định: “*Tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh, cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án*”.

- Điểm đ khoản 1 Điều 7 Luật THADS quy định việc xác minh, cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án là quyền của người được thi hành án. Tuy nhiên, cần xác định lại theo hướng việc cung cấp thông tin về điều kiện

của người phải thi hành án còn là trách nhiệm của người được thi hành án để họ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Hiện chưa có quy định cụ thể việc đương sự phải chủ động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, trong nhiều trường hợp quy định đương sự không thực hiện thì Chấp hành viên phải thực hiện như: xác minh điều kiện thi hành án; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; xác định, phân chia phần tài sản của người phải thi hành án... dẫn đến hiệu quả tổ chức thi hành án chưa cao, chưa phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự. Đồng thời, ngân sách nhà nước phải chịu toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động này. Trong khi đó, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trách nhiệm chứng minh, yêu cầu và chịu chi phí là của đương sự. Theo quy định, khi thực hiện các giao dịch dân sự, các đương sự tự do ý chí, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, không ai có quyền ép buộc và khi xảy ra hậu quả thì các bên phải tự chịu trách nhiệm, tự chứng minh các điều kiện để khắc phục các hậu quả, thực hiện quyền và nghĩa vụ, cơ quan nhà nước không có nghĩa vụ chứng minh, thực hiện thay.

- Tương tự với quyền cung cấp thông tin, việc quy định người được thi hành án có quyền “yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản...” là không hợp lý. Đây phải là nghĩa vụ của người được thi hành án.

+ Đề xuất hướng xử lý:

Quy định “Tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh, cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án” vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của người được thi hành án.

Yêu cầu đương sự phải chủ động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình như: xác minh điều kiện thi hành án; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; xác định, phân chia phần tài sản của người phải thi hành án... và phải chịu toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động này.

Quy định việc yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu tài sản, xác định phần tài sản của người phải thi hành án là trách nhiệm của người được thi hành án. Nếu người được thi hành án không thực hiện quyền này thì coi như họ đã từ bỏ quyền được yêu cầu xử lý đối với tài sản có tranh chấp của người phải thi hành án. Chấp hành viên, cơ quan THADS không có nghĩa vụ thực hiện thay cho người được thi hành án.

* Khoản 1, Điều 74. Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án: *"... hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự".*

Theo khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cá nhân, cơ quan, tổ chức khác do Bộ luật này quy định khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Do đó, quy định như vậy chưa phù hợp, chưa tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh

và tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tăng trách nhiệm cho Chấp hành viên.

+ Đề xuất hướng xử lý:

- Cần quy định đương sự phải thực hiện việc khởi kiện ra Tòa án để bảo vệ quyền lợi. Nếu không khởi kiện thì có hướng xử lý cho phù hợp chấm dứt việc tổ chức thi hành án.

- Sửa đổi bổ sung theo hướng Tòa án là chủ thể duy nhất có quyền phân chia tài sản chung trong giai đoạn THADS.

* Khoản 2, Điều 74 Luật THADS quy định xử lý tài sản kê biên thuộc sở hữu chung đã xác định được phần sở hữu. Tuy nhiên, thực tế có trường hợp Chấp hành viên đã kê biên, đang bán đấu giá tài sản chung của vợ chồng nhưng vợ hoặc chồng người phải thi hành án lại khởi kiện, yêu cầu phân chia tài sản chung và Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nên việc thi hành án phải dừng lại, chờ kết quả giải quyết của Tòa án

+ Đề xuất hướng xử lý:

Quy định rõ hết thời 30 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người có tài sản chung (vợ, chồng hoặc các thành viên hộ gia đình) không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung nếu không đồng ý với việc phân chia của Chấp hành viên thì không được quyền khởi kiện ra Tòa án tránh kéo dài thời gian tổ chức thi hành án. Việc Chấp hành viên thực hiện khởi kiện ra Tòa án là rất khó khăn, thậm chí không thể thực hiện được.

* Khoản 3, Điều 74 Luật THADS quy định thời hạn ưu tiên mua tài sản chung là 03 tháng đối với bất động sản và 01 tháng đối với động sản. Tuy nhiên, việc giữ nguyên thời hạn nêu trên và còn quy định thêm đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ là chưa hợp lý. Bởi lẽ, theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đấu giá tài sản năm 2016 thì tối thiểu phải có 30 - 45 ngày cho một phiên bán đấu giá. Do đó, quy định về thời hạn ưu tiên mua tài sản chung là quá dài, làm mất nhiều thời gian và thủ tục cho quá trình tổ chức thi hành án.

+ Đề xuất hướng xử lý:

Việc xác định thời hạn ưu tiên nói trên khá dài, cần được tính toán xác định lại sao cho vừa bảo đảm quyền lợi của chủ sở hữu chung mà không kéo dài thời gian tổ chức thi hành án một cách không cần thiết.

* Khoản 1, Điều 126. Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự quy định Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả tài sản cho đương sự.

Thực tế, khi nhận được bản án do Tòa án chuyển giao, Thủ trưởng cơ quan THADS đã phải ra quyết định thi hành án chủ động cho thi hành những khoản trả lại tiền, tài sản tạm giữ tuyên trong bản án nên việc “Thủ trưởng cơ quan THADS ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên trả lại tài sản cho đương sự” theo khoản 1, Điều 126 là không cần thiết.

+ Đề xuất hướng xử lý:

Đề nghị bãi bỏ nội dung này tại Điều 126 Luật THADS.

Ngoài ra, qua thực tiễn triển khai thi hành và áp dụng Luật THADS cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, chưa được hoàn thiện và chưa phù hợp; nhiều quy định của Luật với các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc với các quy định pháp luật có liên quan chưa đồng bộ, thống nhất làm cho công tác thi hành án dân sự gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; vị trí, vai trò của các cơ quan thi hành án dân sự chưa chưa ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Chính vì vậy việc đề nghị xây dựng Luật THADS (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như các văn bản pháp luật có liên quan khác có ý nghĩa hết sức quan trọng và cần thiết để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành án.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn trân trọng góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) với các nội dung nêu trên.

Kính gửi Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục (để b/c);
- Các phòng chuyên môn thuộc Cục;
- Chi cục THADS các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NV.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

(Đã ký)

Lê Văn Cường

Số 1906 / BC - CTHADS

Lào Cai, ngày 20 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Văn bản số 5380/BTP-TCTHADS ngày 06/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi), Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả tham gia góp ý như sau:

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai cơ bản nhất trí, các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) là đầy đủ, chi tiết, nêu bật được các chính sách đề xuất và đánh giá tác động dự kiến của các đề xuất này. Bên cạnh đó, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Về phụ lục Kết quả rà soát tồn tại, hạn chế trong các quy định của Luật Thi hành án dân sự:

1.1. Tại STT 39. Mục nội dung vướng mắc, thiếu, mâu thuẫn ghi: " Theo khoản 1 Điều 28 thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì Tòa án chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan THADS. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS năm 2015 về việc chuyển giao bản án, theo đó, thời hạn chuyển giao theo quy định của Luật này là "10 ngày (có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày) kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra quyết định đối với Bản án phúc thẩm" .

Mục đề xuất hướng xử lý: Cần quy định cho phù hợp, tránh mâu thuẫn với Điều 485 Bộ luật TTDS và Điều 262 Bộ luật TTHS.

Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành là phù hợp vì quy định tại khoản 1 Điều 485-Bộ Luật TTDS quy định: Thời hạn chuyển giao bản án, quyết định.

"1. Tòa án đã ra bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 482 của Bộ luật này phải chuyển giao bản án, quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật..."

Quy định tại khoản 1, Điều 28 - Luật THADS 2014 quy định: "1. Tòa án đã ra bản án, quyết định quy định tại các điểm a, b,c, d và g khoản 1 Điều 2 của Luật này phải chuyển giao bản án, quyết định đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật." Như vậy giữa khoản 1 điều 28-Luật THADS 2014 và khoản 1, Điều 485-Bộ luật TTDS quy định như vậy là phù hợp.

Còn quy định khoản 2, Điều 262, Bộ luật TTHS quy định: "2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra quyết định, tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án hoặc quyết định phúc thẩm cho VKS cùng cấp; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền...; cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án phúc thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự... Trường hợp Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày". Quy định này được áp dụng với bản án, quyết định phúc thẩm và có hiệu lực thi hành ngay nên việc quy định như vậy là phù hợp không mâu thuẫn, chông chéo với khoản 1, điều 28 -Luật THADS năm 2014 và điều 485 -Bộ luật TTDS.

1.2. Tại STT 44. Mục nội dung vướng mắc, thiếu, mâu thuẫn ghi: "*Chưa có quy định về hậu quả pháp lý khi hết thời hiệu THADS nhưng người phải thi hành án tự nguyện nộp tiền, tài sản và làm đơn yêu cầu THADS*".

Đề xuất hướng xử lý: Nhất trí phương án 2: "*Cơ quan THADS vẫn ra quyết định thi hành án tương ứng với khoản tiền, tài sản họ tự nguyện nộp*" bởi vì giao nhiệm vụ này cho Cơ quan THADS thực hiện là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định Điều 53-Luật THADS 2014 quy định: Xác nhận kết quả thi hành án cho người phải thi hành án khi đương sự yêu cầu. Đồng thời để có tài liệu chứng minh kết quả bồi thường nghĩa vụ dân sự của người được đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù được quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 38 Luật thi hành án hình sự năm 2019, quy định về Thủ tục giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù. Phù hợp với quy định về Hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện theo điểm đ, khoản 2 Điều 58, Luật THAHS năm 2019, quy định: Hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện phải có văn bản, tài liệu thể hiện việc chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, án phí.

2. Về đề cương chi tiết Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi):

2.1. Đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 98, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15, có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024:

Lý do: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Luật Giá số 16/2023/QH15 quy định: Trường hợp có quy định khác nhau về giá giữa Luật Giá và các luật khác được ban hành trước ngày Luật Giá có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Luật Giá, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 của Luật Giá thì chỉ quy định 06 nhóm mặt hàng định giá của Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong 06 nhóm mặt hàng nêu trên không có quy định định giá tài sản kê biên. Mặt khác, đối chiếu 42 danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc Phụ lục số 2, kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15 không có quy định định giá tài sản kê biên theo quy định tại Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

2.2. Đề nghị sửa đổi nội dung quy định tại Điều 124 "*...bàn giao tài sản bị tước tịch thu, sung quỹ nhà nước cho cơ quan tài chính cùng cấp.*" theo hướng